

KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.882,7	258,4	127,2
1 ngày (%)	-0,1	2,3	1,0
1 tháng (%)	7,5	0,5	6,1
Từ 2026	5,5	3,9	5,1
1 Năm (%)	51,5	17,1	36,6
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.765	404	677
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,3	2,6	0,9
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

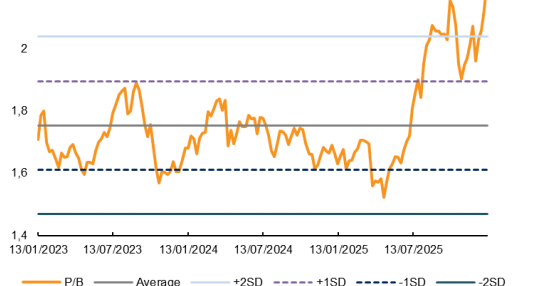
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-index ghi nhận phiên giảm điểm nhẹ kèm thanh khoản sụt giảm

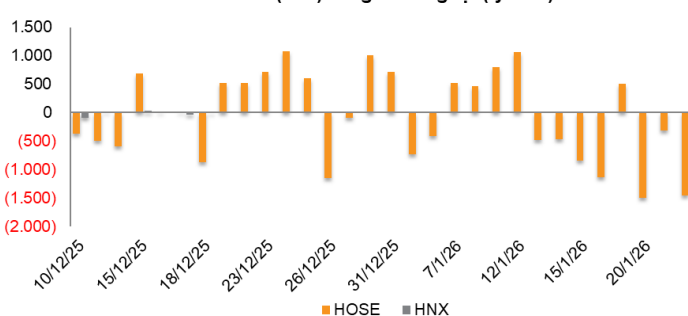
Phiên giao dịch ngày 22/01 có phần trầm lắng khi thanh khoản sụt giảm kèm biến động chỉ số theo hướng giao động nhẹ, tiệm cận vùng tham chiếu. Đáng chú ý là diễn biến trái chiều giữa độ rộng thị trường và chỉ số VN-index khi sắc đỏ lan tỏa tại các ngành đã tăng trưởng tốt trong thời gian vừa qua như viễn thông và dầu khí. Kết thúc phiên giao dịch, VN Index đóng cửa tại 1.882,73 điểm, giảm 2,71 điểm (-0,14%). Độ rộng nghiêng về tích cực khi ghi nhận 238 cổ phiếu tăng, giá và 92 cổ phiếu giảm điểm;

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.082,35 điểm, tăng 1,97 điểm (+0,09%); nhóm VN30 ghi nhận 16 cổ phiếu tăng và 11 cổ phiếu giảm điểm, cho thấy nhóm này có sự phân hóa nhưng tâm lý tích cực hơn so với VN-index. Xét về dòng tiền, dòng tiền tập trung vào một số ngành, dẫn đầu là Xây dựng & Vật liệu (+2,77%), Hóa chất (+2,54%) và Y tế (+0,84%). Ngược lại, các ngành đã ghi nhận đã tăng trưởng trước đó trong phiên hôm nay đều gặp áp lực chốt lời như Viễn thông (-6,22%), Dịch vụ tiện ích (-2,18%) và Dầu khí (-1,69%).

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HOSE đạt 28.708 tỷ đồng, giảm 16,9% so với phiên trước và tiệm cận ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất. Thị trường ghi nhận thanh khoản suy giảm rõ rệt trước thêm hội nghị lần 14 của Đảng sắp kết thúc, việc này cho thấy lực cầu quay lại còn hạn chế và nhà đầu tư có xu hướng thận trọng hơn. Trong bối cảnh này, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cân nhắc việc chốt lời từng phần và chờ đợi cơ hội mua khi thị trường có lực cầu quay trở lại. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) Giữ lại phần danh mục chất lượng có nền tảng lợi nhuận tốt và vị thế tài chính lành mạnh để tận dụng nhịp hồi kỹ thuật. 2) Không mua đuổi trong phiên phục hồi yếu ớt; chỉ xem xét mua lại khi thị trường điều chỉnh rõ rệt và có dấu hiệu ổn định quanh vùng hỗ trợ đã xác định. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: 1) Ưu tiên mua trong nhịp điều chỉnh để giảm rủi ro thời điểm; chia nhỏ lệnh mua theo từng nhịp giảm để trung bình giá vào danh mục. 2) Tập trung chọn cổ phiếu cơ bản: doanh nghiệp có lợi nhuận ổn định, dòng tiền kinh doanh tốt và thanh khoản tương đối; tránh mua vào các cổ phiếu có thông tin cơ bản yếu hoặc thanh khoản rất thấp.

Ngành	Tỷ trọng VN Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,6	178,9	4,2	0,8	0,1	0,0	30,9	-16,1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,4	27,0	3,2	0,3	5,9	7,1	19,4	8,1
Năng lượng	2,4	39,7	2,1	-1,5	39,4	40,9	55,7	-18,3
Tài chính	39,5	12,5	2,0	-0,3	11,4	11,2	40,8	1,2
Chăm sóc sức khỏe	0,5	27,1	2,8	0,8	5,0	3,3	11,3	-29,0
Công nghiệp	7,5	38,5	5,3	1,0	0,2	0,1	104,3	-7,4
Công nghệ thông tin	2,3	19,6	4,7	-1,4	10,6	8,6	-17,5	-41,3
Vật liệu xây dựng	5,9	17,9	1,9	1,5	15,8	17,7	23,3	13,2
Bất động sản	24,8	92,4	5,9	0,0	3,7	-3,2	457,3	8,3
Dịch vụ tiện ích	4,6	20,4	3,1	-3,0	41,3	31,1	46,5	9,1

Mua(bán) ròng khối ngoại (tỷ vnd)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Chỉ số DXY tăng nhẹ lên 98,8 trong khi đà tăng của giá vàng đã chững lại tại 4,830 USD/ounce, khi căng thẳng địa chính trị và thương mại giữa Mỹ và châu Âu liên quan đến Greenland hạ nhiệt. Tổng thống Donald Trump bác bỏ khả năng sử dụng vũ lực quân sự để giành Greenland và rút lại các đe dọa áp thuế đối với các nước châu Âu sau khi đạt được một khung thỏa thuận cho một hiệp định trong tương lai với NATO. Tuy nhiên, chi tiết về khung thỏa thuận vẫn chưa rõ ràng, trong khi Đan Mạch bác bỏ mọi cuộc đàm phán liên quan đến việc nhượng lãnh thổ cho Mỹ. Tỷ giá USD/VND giao dịch ổn định tại 26,270 đồng.

Tin vĩ mô trong nước

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thống nhất rút ngắn chương trình 1,5 ngày và sẽ bế mạc vào ngày 23/1/2026, sớm hơn kế hoạch ban đầu. 100% đại biểu thuộc 40/40 đoàn đã đồng ý điều chỉnh, do nhiều nội dung được hoàn thành sớm nhờ tinh thần làm việc khoa học, khẩn trương và trách nhiệm cao. Trần Cẩm Tú, Thường trực Ban Bí thư, khẳng định công tác chuẩn bị – đặc biệt là nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV – được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, minh bạch, lấy chất lượng và hiệu quả công hiến làm thước đo.
- Bộ Xây dựng cho biết Dự án Đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam hiện đang trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, vì vậy chưa xem xét lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp dự án được triển khai theo hình thức PPP hoặc đầu tư kinh doanh, Bộ sẽ thông báo chính thức để các doanh nghiệp – trong đó có THACO và 12 đơn vị khác – nộp hồ sơ theo quy định. Bộ Xây dựng khẳng định sẵn sàng cung cấp thông tin và mong doanh nghiệp tiếp tục phối hợp, trong khi Ban QLDA Thăng Long được giao chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ và chi phí dự án.
- Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Phó Trưởng Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương Nguyễn Anh Tuấn cho rằng Việt Nam có đủ dư địa và điều kiện để đạt tăng trưởng kinh tế hai con số giai đoạn 2026–2030 nếu khai thác hiệu quả các nguồn lực và tháo gỡ điểm nghẽn. Ông đề xuất 5 nhóm giải pháp chiến lược, trong đó nhấn mạnh ổn định vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ – chuyển đổi số, phát huy khu vực tư nhân, tái cấu trúc xuất khẩu và đột phá về thể chế, nhân lực, hạ tầng.

Tin ngành và doanh nghiệp

- SHB – Đẩy mạnh huy động vốn và tăng vốn điều lệ:** Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 459,3 triệu cp, tỷ lệ 100:10, dự kiến thu 5.742 tỷ đồng. Chào bán riêng lẻ: 200 triệu cp cho NĐT trong/ngoài nước, đảm bảo room ngoại ≤30%. ESOP: 90,6 triệu cp, hạn chế chuyển nhượng 18 tháng. Tổng quy mô phát hành: 750 triệu cp → vốn điều lệ có thể tăng thêm ~7.500 tỷ đồng, lên 53.442 tỷ đồng.
- HCM – HSC ghi nhận lợi nhuận cao kỷ lục năm 2025, mở rộng mạnh quy mô tài sản và cho vay:** Năm 2025, Chứng khoán TP.HCM (HSC) (HCM) đạt lợi nhuận sau thuế gần 1.200 tỷ đồng, khẳng định vị thế trong nhóm công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường. Tổng tài sản tăng mạnh 50% lên 46.500 tỷ đồng, phản ánh chiến lược mở rộng quy mô kinh doanh, đặc biệt ở mảng cho vay và dịch vụ tài chính. Riêng quý IV/2025, doanh thu tăng 18% so với cùng kỳ, với hai mảng cốt lõi đóng vai trò động lực chính: thu nhập lãi cho vay đạt 731,5 tỷ đồng và doanh thu môi giới đạt 285,5 tỷ đồng, cho thấy thanh khoản thị trường cải thiện rõ nét và nhu cầu margin duy trì ở mức cao. Ở chiều ngược lại, chi phí vay tăng 73%, phản ánh áp lực chi phí vốn khi HSC đẩy mạnh mở rộng hoạt động cho vay. Tại thời điểm cuối năm, dư nợ cho vay đạt 20.400 tỷ đồng, tiếp tục lập mức cao mới và trở thành trụ cột tăng trưởng lợi nhuận của công ty.
- LPB – Lợi nhuận tăng trưởng ổn định, quy mô tài sản mở rộng năm 2025:** Ngân hàng TMCP Lộc Phát (LPB) ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2025, duy trì đà tăng trưởng trong bối cảnh môi trường tín dụng nhiều biến động. Lợi nhuận trước thuế 2025: gần 14.300 tỷ đồng, tăng 17% so với năm trước, hoàn thành 95% kế hoạch năm. Quy mô tài sản: gần 606.000 tỷ đồng, tăng 19%, phản ánh tăng trưởng tín dụng và mở rộng bảng cân đối. Chất lượng tài sản: nợ xấu ở mức 1,68%, tăng nhẹ nhưng vẫn nằm trong ngưỡng kiểm soát của ngành.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Chỉ số DXY giảm xuống ~98,5 vào ngày 21 tháng 1 (giảm 0,54% so với tuần trước), mức thấp nhất kể từ ngày 6 tháng 1. Rủi ro địa chính trị gia tăng và đồng USD yếu đi đã khiến dòng tiền chuyển sang các tài sản trú ẩn, đẩy giá vàng lên mức

kỷ lục mới, vượt 4.800 USD/ounce. DXY suy yếu thường hỗ trợ cho tỷ giá USD/VND, thể hiện qua việc tỷ giá USD/VND dao động quanh mức 26.260 – 26.270, tăng 0,1% so với đầu năm. Tuy vậy, chúng tôi vẫn thận trọng với rủi ro dòng vốn rời khỏi các tài sản rủi ro hơn, như Việt Nam, có thể khiến áp lực tỷ giá quay trở lại.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,61	-0,3	11,7	10,8	52,0
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	2,73	-18,5	-59,3	65,5	-30,0
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,37	-1,1	-3,7	-10,7	52,0
USD/VND	26.270	0,0	0,2	0,1	-4,5
DXY	98,73	0,0	0,4	0,4	-8,7
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,24	-0,2	1,7	1,6	-8,2
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,65	0,0	2,8	3,2	-16,0

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.822,40	-0,3	8,5	11,1	74,0
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	60,05	-0,9	3,5	4,6	-20,4
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	64,61	-1,0	4,1	6,2	-18,2
Thép (USD/tấn)	467,6	-0,1	0,6	0,2	-6,7
Thịt heo (USD/kg)	1,9	-0,8	12,1	3,2	-14,3
Gạo (USD/tấn)	487,4	-0,4	9,2	12,0	-27,5
Phân urea (USD/tấn)	374,5	1,6	10,1	9,3	18,0

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 19/01/2026	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô quý 4.2025 và tháng 12.2025
	EU	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12.2025
Thứ Ba 20/01/2026	Trung Quốc	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 1.2026 của Ngân hàng TW Trung Quốc
Thứ Năm 22/01/2026	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 11.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	8.236	3,5	3.854	60.400	73.300	22,3%	0,9%	20,3	3,2	17%
AST	126	0,0	5	73.700	85.400	19,3%	3,4%	14,6	5,1	38%
HVN	3.370	1,6	718	28.450	43.400	54,7%	2,2%	9,5	15,8	
VJC	3.732	15,6	856	181.000	113.600	-36,7%	0,6%	62,3	4,4	8%
Bán lẻ										
BAF	454	3,3	209	39.200	37.200	-5,1%		21,3	2,8	13%
DGW	379	3,2	103	45.000	49.600	11,3%	1,1%	18,6	3,0	17%
FRT	994	3,0	167	153.300	150.300	-1,7%	0,2%	42,4	8,5	25%
MCH	7.839	3,7	2.733	158.800	147.000	-6,1%	1,3%	29,5	12,9	44%
MWG	4.868	20,6	56	86.500	96.300	12,5%	1,2%	21,9	4,1	20%
PNJ	1.434	2,9	9	110.400	109.900	0,5%	0,9%	16,8	3,1	21%
QNS	652	0,2	265	46.600	53.400	16,7%	2,1%	7,6	1,4	20%
SAB	2.470	3,1	1.027	50.600	59.900	22,3%	4,0%	15,3	2,9	18%
VHC	519	2,4	414	60.800	71.300	20,6%	3,3%	8,8	1,4	17%
VNM	5.641	13,5	2.792	70.900	74.800	9,5%	4,0%	19,1	4,3	24%
Tài chính										
ACB	4.859	9,7	72	24.850	31.300	29,5%	3,5%	7,3	1,4	20%
BID	13.898	8,7	1.759	52.000	47.200	-8,4%	0,9%	13,8	2,2	18%
CTG	11.797	18,8	512	39.900	49.000	23,6%	0,8%	9,3	1,8	22%
HDB	5.564	22,0	220	29.200	34.900	21,7%	2,2%	9,1	2,0	25%
LPB	4.924	3,9	207	43.300	33.400	-17,1%	5,8%	11,3	2,7	25%
MBB	8.264	25,7	116	26.950	32.900	23,9%	1,9%	8,9	1,7	21%
STB	4.557	23,1	736	63.500	45.700	-27,1%	1,0%	9,7	1,9	22%
TCB	9.711	16,9	0	36.000	40.300	14,7%	2,8%	10,1	1,5	16%
TPB	1.837	6,4	94	17.400	17.800	7,8%	5,5%	7,4	1,2	17%
VCB	22.583	15,6	1.925	71.000	69.300	-1,8%	0,6%	16,9	2,7	17%
VIB	2.313	4,1	0	17.850	23.600	35,7%	3,4%	8,0	1,3	18%
VPB	8.819	22,9	438	29.200	37.100	28,8%	1,7%	9,7	1,4	15%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Dệt may										
MSH	154	0,7	67	35.850	40.600	24,4%	11,2%	7,0	1,9	28%
TCM	117	1,4	2	27.450	29.800	10,4%	1,8%	11,9	1,3	11%
Khu công nghiệp										
BCM	2.935	1,6	944	74.500	68.600	-6,6%	1,3%	21,0	3,6	18%
GMD	1.136	3,8	100	70.000	72.000	5,7%	2,9%	22,9	2,3	12%
HAH	379	5,1	86	59.000	55.400	-4,8%	1,3%	8,5	2,4	31%
VSC	321	7,8	150	22.550	19.100	-13,1%	2,2%	18,6	1,6	9%
IDC	685	3,7	253	47.400	45.600	-0,6%	3,2%	9,8	2,7	31%
KBC	1.341	5,8	509	37.400	30.000	-18,8%	1,0%	20,0	1,5	7%
PHR	330	1,1	117	64.000	68.400	9,0%	2,1%	12,9	2,2	17%
VTP	561	3,5	246	121.000	129.200	7,7%	0,9%	50,0	8,4	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.067	12,6	459	73.800	128.300	77,9%	4,1%	9,5	1,8	20%
HPG	7.845	33,4	2.266	26.850	30.000	12,8%	1,1%	14,3	1,6	12%
Dầu khí										
BSR	4.232	8,7	2.016	22.200	16.700	-22,8%	2,0%	53,7	1,9	4%
GAS	9.626	5,9	4.499	104.800	78.400	-23,2%	1,9%	20,9	3,9	20%
OIL	594	1,2	36	15.100	14.800	-0,3%	1,7%	47,8	1,5	3%
PLX	2.733	6,5	128	56.500	47.700	-13,5%	2,1%	28,8	2,8	10%
PVD	616	9,2	236	29.100	32.600	20,6%	8,6%	18,0	1,0	6%
PVS	783	8,6	268	40.200	41.800	5,6%	1,6%	14,2	1,4	11%
PVT	373	3,0	144	20.850	23.400	13,3%	1,1%	10,0	1,2	12%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	669	3,8	308	25.850	22.700	-8,8%	3,3%	22,7	1,6	7%
DCM	765	2,9	347	37.950	40.000	10,7%	5,3%	11,6	1,9	17%
DDV	159	1,3	74	28.600	39.700	42,0%	3,1%	24,8	2,4	10%
PLC	110	0,3	53	35.800	34.100	-3,4%	1,4%	24,3	2,2	9%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Điện										
POW	1.728	5,7	778	14.800	14.400	-1,6%	1,1%	22,0	1,2	6%
Điện và BĐS										
HDG	380	2,8	117	26.950	37.400	40,3%	1,5%	28,7	1,5	5%
PC1	377	3,3	136	24.100	26.500			19,8	1,7	9%
REE	1.303	1,0	0	63.200	76.600	22,6%	1,4%	13,2	1,7	13%
Bất động sản										
DXG	667	10,4	173	15.750	18.300	28,9%	12,7%	38,6	1,3	3%
KDH	1.252	7,5	281	29.300	41.800	43,7%	1,0%	36,7	1,8	5%
NLG	569	3,0	111	30.800	42.200	38,5%	1,5%	16,0	1,3	9%
VHM	18.841	28,5	7.809	120.500	93.600			18,9	2,3	13%
VRE	2.755	14,2	987	31.850	32.000	3,8%	3,3%	14,9	1,6	11%
Công nghệ										
FPT	6.712	30,6	643	103.500	118.200	15,2%	1,0%	19,6	4,9	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA